

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	SUCO P3	TD3+ P4 +P3+P4	7:25	2+0+1+0	0+0+0+0		0+0+10+0	0+0+0+0	chuyen 2 P4- P3chuyen 11 P3-P4

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD3 - P4 - P3 - P4.	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN MINH QUANG	TD3	76-77	2	15		78	DKVN	Vietnamese
2	TRAN HUYNH LAM	TD3	600	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
3	IANCHENKO	P3	90	1	12		80	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	3	21	141	0	0		CHUYEN 02 PAX TU P4 SANG P3 CHUYEN 11 PAX TU P3 SANG P4
2	P4	0	0	0	0	0	0	2	
3	P3	1	1	12	80	0	10	11	
4	P4.	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		3	4	33	221	0	10		
WEIGHT KG				33	221	0			

GRAND TOAL: 254 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC4+RP1	7:25	4+1+17	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
2		VSP02+BK16+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		15+1+3	0+0+0	chuyen 6 bk16- ctk3
3		RP3+BK6+TD3	7:25	22+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
4		TD1+VSP02+CLO	7:25	11+4+5	0+0+0		0+15+0	0+0+0	chuyen 1 td1- clo
5		MRM+BK5+RC4	9:25	7+8+6	0+0+0		6+5+9	0+0+0	
6		R1 21 P1+BK3	9:25	1+20	0+0		1+21	0+0	
7		RC5+TD5+CTC1	9:25	19+0+1	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
8		P9+BK8+PPD	9:25	11+7+0	0+0+0		4+11+6	0+0+0	
9		RP1+RC6	11:25	16+5	0+0		15+6	0+0	
10		VSP02+P6+BK19	11:25	22+0+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 người đi Rc4, 2 người Vsp02 đi về trong ngày; 1 người tđ1 về đi CLO, 5 người Pvd1 về qua CTC1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RCDM - RC4 - RP1	CREW: ATUÁN - MTHAO - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

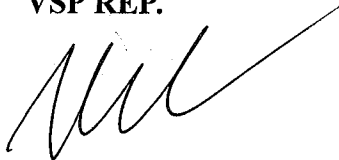
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU SON	RCDM	21	1	4	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN BUI NAM	RCDM	19	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
3	TO TIEN DUNG	RCDM	08-10	3	12		74	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RCDM	20	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	VU MINH PHUONG	RC4	61	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUY TAM	RP1	15	1	5	40	58	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO MINH TUAN	RP1	37-38	2	14		90	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HAI	RP1	39	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	RP1	19-20	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGOC LONG	RP1	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG TIN	RP1	22	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN THANH	RP1	13	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TRI KHANH	RP1	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NANG	RP1	12	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
15	VU BA NEP	RP1	615	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG VU NHAT VINH	RP1	34	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM XUAN TRUONG	RP1	18	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET BANG	RP1	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG THONG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG THANH DAN	RP1	14	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH THAM	RP1	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	DINH VAN LIEN	RP1	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

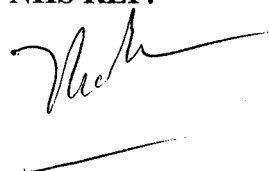
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	6	27	288	20	4		
2	RC4	1	1	5	70	40	0		
3	RP1	17	18	111	1.225	40	18		
TOTAL		22	25	143	1.583	100	22		
WEIGHT KG				143	1.583	100			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2022	TO: VSP02 - BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTuấn - Dương - HIẾU - Tú	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN HỮU THAI	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TUÂN	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO KIM SÂM	VSP02	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN QUY	VSP02	08	1	7		76	YTE	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	11	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM DUY QUANG	VSP02					69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	15-16	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	02	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	03	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					58	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ TÂN LINH	VSP02	04	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	12	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI XUÂN TIEN	VSP02	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THAI SƠN	VSP02	14	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	13	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HA MẠNH THẮNG	VSP02	01	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIEN ĐẠT	VSP02	05-06	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	96	1.511	0	15		CHUYEN 6 KHACK BK16 SANG CTK3
2	BK16	0	0	0	0	0	1	6	
3	CTK3	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		22	17	96	1.511	40	19		
WEIGHT KG				96	1.511	40			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP3 - BK6 - TD3	CREW: VTHU - ĐỨC - DSon	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV A.V	RP3	59	1	8		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN KIM SƠN	RP3	56-57	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC KHIEM	RP3	55	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	64	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRONG LINH	RP3	62	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO QUANG TÔ	RP3	58	1	5	70	65	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC THANH	RP3	53	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	37	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DINH HO	RP3	39	1	4	10	65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	41	1	5	55	77	KHI	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	RP3	47-48	2	18		80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN NAM	RP3	45-46	2	13		73	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MINH	RP3	63	1	10		88	YTE	Vietnamese
14	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	54	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUÝ HAI	RP3	44	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	49	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HÙNG	RP3	51-52	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	42	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU LONG	RP3	50	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	60-61	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	27	190	1.625	135	18		
2	BK6	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	0	0	0	0	9	2		
TOTAL		22	27	190	1.625	144	22		
WEIGHT KG				190	1.625	144			

GRAND TOAL: 1.959 KGS

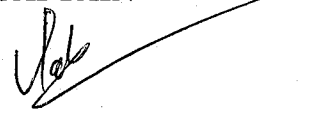
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:43
FLIGHT: 04	TO: TD1 - VSP02 - CLO	CREW: HUNG - VLinH - NNam	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELIAEV	TD1	82	1	14		80	KH-THAC	Russian
2	VU NGOC TU	TD1	92	1	10	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	DO MINH HOANG	TD1	94	1	16		73	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH VAN TAM	TD1	97	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC KHOI	TD1	93	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VU ANH TUAN	TD1	98	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TUAN	TD1	85	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DUY KHANH	TD1	88	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DANH CHIEN	TD1	90-91	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	TD1	83-84	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN LE THE ANH	TD1	95-96	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI HUY BINH	VSP02	85-86	2	9		76	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	88	1	6	9	67	KH-THAC	Vietnamese
14	TO VAN HUNG	VSP02	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	84	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
16	KHUAT NGOC THANG	CLO	83-84	2	10		73	SEAMAP	Vietnamese
17	PHAM HAI DANG	CLO	82	1	10		70	SEAMAP	Vietnamese
18	SHMAKOV ALEXANDER	CLO	62	1	9	88	78	KHOAN	Russian
19	PHAM TAT LUC	CLO	87,86	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	SEREBROV	CLO	85	1	12		85	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	14	146	796	20	0	1	CHUYEN 01 PAX TU TDI SANG CLO
2	VSP02	4	5	23	273	9	15		
3	CLO	5	7	49	376	88	0		
TOTAL		20	26	218	1.445	117	15		
WEIGHT KG				218	1.445	117			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: MRM - BK5 - RC4	CREW: ATUÁN - MTHAO - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGHĨA	MRM	41	1	15		83	DVL	Vietnamese
2	LUU ĐÌNH TRỌNG	MRM	42	1	15		78	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THỦ	MRM	40	1	15		67	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HIỆP	MRM				10	72	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN SƠN	MRM	44	1	7	120	68	VTB	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT SỬ	MRM	43	1	7		62	VTB	Vietnamese
7	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	50,63	2	16		83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK5	91	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM DUY ĐỀN	BK5				25	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HAI	BK5	95	1	13	30	70	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HAI	BK5	92-93	2	12	30	85	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN MẠNH	BK5	24-25	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	HỒ THẾ ANH	BK5					63	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN HUNG LONG	BK5	94	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH THỊ	RC4	05	1	7		109	KH-THAC	Vietnamese
16	HUỲNH MINH SANG	RC4	03	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU TIẾN BÌNH	RC4	04	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RC4	07-08	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ LÝ KHANH	RC4	64	1	7		75	PSV	Vietnamese
20	VŨ TIẾN NGỌC	RC4	06	1	5		78	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	5	59	430	130	6		THAO 2 GHE CHO HANG
2	BK5	8	9	84	572	85	5		
3	RC4	6	7	41	477	0	9		
TOTAL		20	21	184	1.479	215	20		
WEIGHT KG				184	1.479	215			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2022	TO: RP3 - P1 - BK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - THỤ -	ETA: 11:25
CAM-2		Thành	

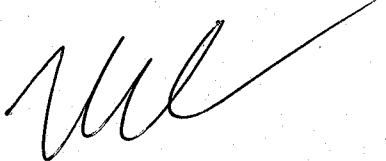
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	93	1	4	80	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	91	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ THANH LAM	RP3	94	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	92	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG THANH	RP3	79-80	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH TÂN NGON	RP3	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	88	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HIEN	RP3	95	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	84	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	87	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH CHIEN	RP3	83	1	10		68	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN QUAN	RP3	90	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	LE DUC CUONG	RP3	99	1	6		64	PSV	Vietnamese
15	DUONG VAN THU	RP3	86	1	2		73	PSV	Vietnamese
16	PHAN SY CAO	RP3	85	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	TRẦN BA MẬU	RP3	89	1	2		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HIỂU	RP3	81	1	3		58	PSV	Vietnamese
19	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	98	1	2		52	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THANH	RP3	97	1	7		72	PSV	Vietnamese
21	CHAU HUNG HUY	P1	67	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	21	95	1.326	80	20		
2	P1	1	1	10	75	0	1		
3	BK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	22	105	1.401	80	22		
WEIGHT KG				105	1.401	80			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

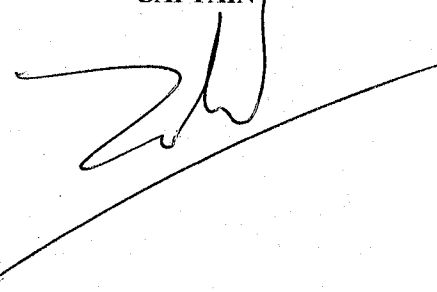
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: RC5 - TD5 - CTC1	CREW: VTHU - ĐỨC - DSon	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NAM THẮNG	RC5	84	1	15	17	103	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO THANH HỢP	RC5	97	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUỐC VIỆT	RC5					75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC5	63	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LA	RC5					70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUÂN THANH	RC5	64	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM TRUNG	RC5	94	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ĐÌNH ĐẠI	RC5	98-99	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO MINH HAI	RC5	73	1	15	15	69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỂU	RC5	77-78	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUY	RC5	89	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HẠM CHUNG	RC5	90-91	2	10		71	XAYLAP	Vietnamese
13	DƯƠNG BÙI LÂM	RC5	200,300	2	23		64	XAYLAP	Vietnamese
14	VÔ NGUYỄN MINH PHƯỚC	RC5	85	1	10	25	71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGHỊ	RC5	81	1	9	24	75	XAYLAP	Vietnamese
16	NHÂM ĐÌNH THUẬN	RC5	92-93	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HỮU QUÂN	RC5	95-96	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5					85	PSV	Vietnamese
19	PHAN VĂN HỒNG	RC5	88	1	7		71	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN NINH	CTC1	75	1	2	5	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	19	22	217	1.325	81	12		
2	TD5	0	0	0	0	0	4		
3	CTC1	1	1	2	70	5	6		
TOTAL		20	23	219	1.395	86	22		
WEIGHT KG				219	1.395	86			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2022	TO: P9 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - NNam	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE ĐĂNG NGUYỄN	P9	93	1	7		55	NAMTIEN	Vietnamese
2	PHAN VAN THIN	P9	96	1	8		67	NAMTIEN	Vietnamese
3	NGO ĐỨC TRƯỞNG	P9	94	1	5		53	NAMTIEN	Vietnamese
4	LE MINH TUÂN	P9	91-92	2	12		78	NAMTIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC TÙNG	P9	95	1	4		54	NAMTIEN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CUÔNG	P9	84-85	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
7	LE TRI HAI	P9	88-89	2	19	10	65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KIẾN	P9	87	1	5	20	69	XAYLAP	Vietnamese
9	LE ĐỨC VIỆT	P9	81	1	17	20	71	XAYLAP	Vietnamese
10	TẠ VĂN CUÔNG	P9	79-80	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỀN	P9	90	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ HOANG TÂN	BK8	65	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ NGỌC THANH	BK8	66-67	2	20		76	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MINH ĐỨC	BK8	13-14	2	17		95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN LÊ CHIẾN	BK8	63-64	2	16		86	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	BK8	62	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TRUNG	BK8	64	1	17		80	CODIEN	Vietnamese
18	LE ANH TUÂN	BK8	60	1	15	50	70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN DAT	PPD	72-73	2	14		66	NAMTIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THANH	PPD	76	1	7		67	NAMTIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN DỤC PHÚC	PPD	74	1	10		50	NAMTIEN	Vietnamese
22	PHAN VĂN UT	PPD	75	1	6		64	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	11	15	113	714	50	6		
2	BK8	7	10	110	563	50	10		
3	PPD	4	5	37	247	0	6		
TOTAL		22	30	260	1.524	100	22		
WEIGHT KG				260	1.524	100			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:02
FLIGHT: 09	TO: RP1 - RC6	CREW: KHOAN - <i>Vinh</i> PTUÁN	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	48	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGOC TU	RP1	56-57	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RP1	58-59	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	60	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	51	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG DŨNG	RP1	61	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ VĂN ĐỒNG	RP1	49-50	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUNG	RP1	66-67	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP1	47	1	5		100	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH GIÀU	RP1	46	1	4		69	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	45	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN QUY	RP1	52	1	10		75	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN KIẾN	RP1	53	1	5	17	77	DUY LINH	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC TRUNG	RP1	43	1	10	18	70	DUY LINH	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH ĐẠO	RP1	40-41	2	23		75	DUY LINH	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LƯƠNG	RP1	42	1	8		60	DUY LINH	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	55	1	10	40	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6	52	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC6	50-51	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TU TUẤN TU	RC6	49	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG NHẬT THÀNH	RC6	53	1	17		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	16	21	141	1.154	105	15		
2	RC6	5	6	53	391	40	6		
TOTAL		21	27	194	1.545	145	21		
WEIGHT KG				194	1.545	145			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2022	TO: VSP02 - P6 - BK19	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - THỤ -	ETA: 13:45
CAM-3		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VAN KHA KHA	VSP02	31	1	4	66	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU HO ANH	VSP02	23	1	7		80	CODIEN	Vietnamese
3	VU VAN TINH	VSP02	99	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
4	TRINH HOAI ĐỨC	VSP02	500,20	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC ANH	VSP02	22	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
6	ROGINSKIY DMITRY	VSP02	30	1	11		98	ANTOAN	Russian
7	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	96	1	3		82	PSV	Vietnamese
8	LUÔNG THANH ĐÔNG	VSP02	97	1	7		70	PSV	Vietnamese
9	PHAN MINH TUÂN	VSP02	91	1	4		71	PSV	Vietnamese
10	BUI THỌ SƠN	VSP02	32	1	7	78	65	BA SON	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐỨC	VSP02	33	1	5		60	BA SON	Vietnamese
12	LÊ VĂN HIỀN	VSP02	24	1	12		86	BA SON	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH DUNG	VSP02	21	1	8		63	BA SON	Vietnamese
14	HOANG NGỌC BÌNH	VSP02	34-35	2	14		73	BA SON	Vietnamese
15	ĐẶNG HỒNG CHỨC	VSP02	28	1	10		66	SHINTRAC	Vietnamese
16	HỒ VĂN THÔNG	VSP02	25	1	4		80	SHINTRAC	Vietnamese
17	TRƯỜNG ANH HUYỀN	VSP02	26	1	3		80	SHINTRAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BAO KHANH	VSP02	27	1	7		66	SHINTRAC	Vietnamese
19	HỒ VĂN DƯƠNG	VSP02	92-93	2	10	20	70	SHINTRAC	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC HUY	VSP02	90	1	8		71	SHINTRAC	Vietnamese
21	Y DUNG HMOK	VSP02	29	1	6		65	SHINTRAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG TAM	VSP02	94-95	2	9		70	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	26	170	1.611	164	16		
2	P6	0	0	0	0	0	4		
3	BK19	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	26	170	1.611	164	22		
WEIGHT KG				170	1.611	164			

GRAND TOAL: 1.945 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+BK8+RP2	7:25	6+9+5	0+0+0		0+3+10	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 người Td2 về qua RP2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2022	TO: P11 - BK8 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO -	ETA: 09:10
XANH-1A		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SÁCH ĐỒN	P11	26	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG SƠN	P11	30	1	5	65	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHUÔNG	P11	29	1	13		53	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUY TÀI	P11	27	1	11		55	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN CUÔNG	P11	31	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH TUÂN	P11	28	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	BK8	22	1	5		78	TDH	Vietnamese
8	PATOMPONG NUALKAEW	BK8	29-31	3	30		65	EXPRO	Thailand
9	PEERA JIRUNDORN	BK8	25-26	2	20		73	EXPRO	Thailand
10	CHAICHANA SAENGCHAN	BK8	23-24	2	20		69	EXPRO	Thailand
11	ANURAK DAMTHONGKAE0	BK8	27-28	2	18		70	EXPRO	Thailand
12	TRẦN QUANG HUY	BK8	21	1	15		92	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	BK8	32-33	2	20		62	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH THAO	BK8	19	1	15		70	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM HAI	BK8	20	1	6		79	DVL	Vietnamese
16	LÊ HAI NGẠN	RP2	27	1	11		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUÂN	RP2	28	1	8	30	57	SINHHUNG	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT TUÂN	RP2	29	1	6	26	62	SINHHUNG	Vietnamese
19	HỒ VĂN HÙNG	RP2	30	1	10		54	SINHHUNG	Vietnamese
20	HỒ VĂN HÙNG	RP2	31	1	7		55	SINHHUNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	6	6	55	389	65	0		
2	BK8	9	15	149	658	0	3		
3	RP2	5	5	42	286	56	10		
TOTAL		20	26	246	1.333	121	13		
WEIGHT KG				246	1.333	121			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN